

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Hà Nội - Tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

MẪU B 01-DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.405.174.053.687	1.339.388.682.418
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		273.188.825.886	416.449.029.291
1. Tiền	111	5.1	273.188.825.886	416.449.029.291
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	67.424.875.791	67.110.227.391
1. Chứng khoán kinh doanh	121		67.344.121.791	64.601.221.391
2. DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80.754.000	2.509.006.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		934.347.250.738	712.662.027.259
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	127.142.275.170	344.059.027.580
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		55.724.492.673	270.101.786.092
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.700.000.000	7.700.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	744.917.259.842	91.149.011.334
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.136.776.947)	(347.797.747)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	107.283.121.927	124.301.767.143
1. Hàng tồn kho	141		108.245.199.078	124.301.767.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(962.077.151)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.929.979.345	18.865.631.334
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	354.979.877	477.860.625
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.523.004.155	18.253.094.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		624.416.966	134.676.056
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		9.427.578.347	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		913.204.624.118	761.589.240.949
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.169.876.006	36.908.681.864
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		4.969.796.006	6.908.681.864
6. Phải thu dài hạn khác	216		30.200.080.000	30.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		247.785.395.516	326.647.673.075
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	219.345.866.340	326.526.996.692
- Nguyên giá	222		411.181.899.902	531.178.040.341
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(191.836.033.562)	(204.651.043.649)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	28.439.529.176	120.676.383
- Nguyên giá	228		29.200.415.581	860.769.126
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(760.886.405)	(740.092.743)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.634.883.478	1.958.105.876
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.634.883.478	1.958.105.876
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	522.894.049.592	383.811.749.592
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		291.200.452.009	255.579.885.592
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		231.693.597.583	128.231.864.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		151.720.419.526	12.263.030.542
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	9.530.248.867	6.647.991.333
4. Tài sản dài hạn khác	268		33.300.000	-
5. Lợi thế thương mại	269		142.156.780.659	5.615.039.209
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.371.378.677.805	2.100.977.923.367

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 01-DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		643.239.308.342	1.103.558.860.476
I. Nợ ngắn hạn	310		321.920.609.800	867.830.549.115
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	40.617.748.716	80.404.696.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.212.835.693	25.483.504.696
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	15.490.345.418	19.572.156.332
4. Phải trả người lao động	314		6.430.112.400	6.366.227.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	8.869.880.506	12.906.992.842
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	169.178.301.276	331.972.869.741
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	52.688.122.663	390.747.465.133
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		433.263.128	376.636.349
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		321.318.698.542	235.728.311.361
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		9.291.818.910	16.197.670.706
7. Phải trả dài hạn khác	337		5.978.336.123	5.745.024.396
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		305.172.790.262	213.603.305.259
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		702.362.247	8.920.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		173.391.000	173.391.000
D. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		1.728.139.369.463	997.419.062.891
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.728.139.769.463	997.419.062.891
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.14	1.500.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		71.370.400.000	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.289.183.490	683.081.038
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		247.043.094	221.299.709
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.14	106.217.178.793	101.951.485.611
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		101.951.485.611	47.051.431.269
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.265.693.182	54.900.054.342
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		49.015.964.086	146.563.196.533
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	431		(400.000)	
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		2.371.378.677.805	2.100.977.923.367

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Tài sản nhận giữ hộ		-	-
3. Ngoại tệ các loại USD		- 19.189	-
4. Kim khí quý, đá quý			-
5. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016



TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

MÃU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	6.1	461.211.813.122	654.790.920.237	1.206.894.523.544	889.130.051.483
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.944.185	21.936.900	2.246.275	21.936.900
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.2	461.209.868.937	654.768.983.337	1.206.892.277.269	889.108.114.583
4. Giá vốn hàng bán	11		443.100.708.713	645.665.513.893	1.169.131.675.957	876.457.152.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20	6.3	18.109.160.224	9.103.469.444	37.760.601.312	12.650.961.908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.436.049.595	14.827.938.799	13.636.639.068	21.120.744.221
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	4.515.952.909	2.208.947.464	6.290.703.756	2.656.695.642
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.632.488.122	1.793.819.604	4.441.997.355	2.210.586.764
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2.825.882.259)	2.564.606.660	2.660.000.000	2.952.535.675
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	4.812.388.506	895.791.801	7.914.631.984	1.810.370.322
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	9.630.368.586	3.695.358.766	23.482.483.465	6.676.404.443
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	6.5	6.760.617.559	17.131.310.212	16.369.421.175	22.628.235.722
12. Thu nhập khác	31		549.603.434	3.484.821.479	3.262.340.150	15.685.128.126
13. Chi phí khác	32	6.6	907.096.933	6.673.821.405	3.766.004.525	11.753.763.484
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(357.493.499)	(3.188.999.926)	(503.664.375)	3.931.364.642
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	6.9	6.403.124.060	16.506.916.946	15.865.756.800	29.512.136.039
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.209.711.043	3.126.002.454	7.130.242.553	5.903.040.743
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			702.362.247	304.862.233	702.362.247	400.859.023
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.491.050.770	13.076.052.259	8.033.152.000	23.208.236.273
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.322.908.957	12.914.405.931	8.135.850.386	22.236.983.197
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		168.142.173	161.646.328	(102.698.386)	971.253.076
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	28.82	190,97	54,24	297

M.S.D.N: 0105334944
Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016



Hoàng Mạnh Cường

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

11/8/16 - 10.11

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**MẪU B 03-DN/HN**

Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.865.756.800	29.512.136.039
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.734.736.173	11.045.715.398
- Các khoản dự phòng	03	1.742.136.351	(864.912.490)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.608.952.588)	(23.290.510.501)
- Chi phí lãi vay	06	4.453.927.637	2.210.586.764
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	19.187.604.373	18.613.015.210
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	348.670.076.126	(316.183.421.830)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.056.568.065	(41.853.808.555)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(221.291.871.090)	297.235.252.889
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.759.376.786)	1.675.715.049
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(2.742.900.400)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.883.355.900)	(2.267.067.843)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.714.220.823)	(7.408.004)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	12.139.396.313
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(2.868.689.174)
Lưu chuyển tiền thuần từ H.Đ.Đ. kinh doanh	20	139.522.523.565	(33.517.015.945)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(10.104.893.177)	(29.451.148.074)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		10.277.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.192.100.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(868.848.319.447)	(45.964.563.627)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.428.252.000	38.400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.861.691.121	15.813.238.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(859.663.269.503)	266.899.257
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	823.370.400.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	375.716.756.979	89.397.714.461
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(622.206.614.446)	(37.046.364.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	576.880.542.533	52.351.349.498
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(143.260.203.405)	19.101.232.810
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	416.449.029.291	11.452.072.713
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	273.188.825.886	30.553.305.523

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016



TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 09-DN/HN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty Cổ phần GTNFOODS (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần GTNFOODS tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được đổi tên từ “Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt” thành “Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất” và đến ngày 02/06/2016 được đổi tên thành “Công ty Cổ phần GTNFOODS”, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi đến lần thứ 13 số 0105334948 vào ngày 02 tháng 06 năm 2016.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất

Ngành, nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa...

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Chủ tịch HĐQT đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Chủ tịch HĐQT có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	3.847.863.339	1.546.666.291
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259.340.962.547	414.902.363.000
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>273.188.825.886</u>	<u>416.449.029.291</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

2. Các khoản đầu tư tài chính**2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	67.344.121.791	86.996.916.000	-	64.601.221.391	69.600.000.000	-
Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi – Vilico (VLC)	67.344.121.791	86.996.916.000	-	64.601.221.391	69.600.000.000	-
Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, TP:	-	-	-	-	-	-
+ Về số lượng	-	-	-	-	-	-
+ Về giá trị	-	-	-	-	-	-
Cộng	67.344.121.791	86.996.916.000	-	64.601.221.391	69.600.000.000	-

2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	80.754.000	-	-	-	-	-
Cộng	80.754.000	-	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	291,200,452,009	291,200,452,009	-	253,385,258,857	253,385,258,857	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	77,733,352,009	77,733,352,009	-	75,073,352,009	75,073,352,009	-
Công ty CP ĐTSX và KD GB-TEA	29,000,000,000	29,000,000,000	-	29,000,000,000	29,000,000,000	-
Công ty chè Phú đa	143,044,800,000	143,044,800,000	-	143,044,800,000	143,044,800,000	-
Công ty cổ phần chè Trần Phú	-	-	-	3,242,731,000	3,242,731,000	-
Công ty cổ phần chè Kim anh	-	-	-	3,024,375,848	3,024,375,848	-
Công ty CP chè Thái nguyên	-	-	-	177,000,000	177,000,000	-
Công ty CP xây lắp vật tư kỹ thuật	-	-	-	1,512,953,935	1,512,953,935	-
Công ty cổ phần chè Hà tĩnh	-	-	-	364,672,800	364,672,800	-
Công ty CPKD Thái Bình Dương	-	-	-	140,000,000	140,000,000	-
Công ty CP Lâm Nghiệp Sài Gòn	41,422,300,000	41,422,300,000	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)	231.693.597.583	231.693.597.583	-	128.231.864.000		
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	79.500.000.000	-	79.500.000.000	79.500.000.000	-
Công ty CP NLN Châu Giang	18.000.000.000	18.000.000.000	-	30.600.000.000	30.600.000.000	-
Công ty CP Granite Phú Yên	30.600.000.000	30.600.000.000	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Công ty CP Năng Lượng Thống Nhất	95.000.000.000	95.000.000.000	-			
Công ty cổ phần chè Trần Phú	3.242.731.000	3.242.731.000	-			
Công ty cổ phần chè Kim anh	3.024.375.848	3.024.375.848	-			
Công ty CP chè Thái nguyên	177.000.000	177.000.000	-			
Công ty CP xây lắp vật tư kỹ thuật	1,565,237,935	1,565,237,935	-			
Công ty cổ phần chè Hà Tĩnh	364.672.800	364.672.800	-			
Công ty CPKD Thái Bình Dương	140.000.000	140.000.000	-			
Vườn Quốc Gia Ba Vì	79.580.000	79.580.000	-	131.864.000	131.864.000	-
Các khoản đầu tư khác			-			
Cộng	522.894.049.592	522.894.049.592	-	383.811.749.592	383.811.749.592	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. Phải thu của khách hàng

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	127.142.275.170	344.059.027.580
Phải thu của khách hàng dài hạn	4.969.796.006	6.908.681.864
Cộng	<u>132.112.071.176</u>	<u>350.967.709.444</u>

4. Phải thu khác

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngắn hạn	744.917.259.842	91.149.011.334
Phải thu về cổ phần hoá	68.991.546.821	-
PT về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.048.750.881	8.573.805.258
Phải thu tiền bán cổ phần	15.090.000.000	31.920.000.000
Phải thu tiền ủy thác đầu tư	615.540.477.572	-
Ký cược, ký quỹ	146.250.000	14.712.661.331
Tạm ứng	20.450.502.200	20.234.511.103
Phải thu khác	20.649.732.368	15.708.033.642
Dài hạn	30.200.080.000	30.000.000.000
Cộng	<u>775.117.339.842</u>	<u>121.149.011.334</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi đường				
Nguyên liệu, vật liệu	35.147.020.418		19.699.736.990	-
Công cụ, dụng cụ	3.078.239.746		3.402.750.952	-
Chi phí SX, KD dở dang	24.044.471.284		67.100.419.873	-
Thành phẩm	41.582.165.253	(962.077.151)	27.273.558.915	-
Hàng hóa	4.393.302.377		6.825.300.413	-
Cộng	<u>108.245.199.078</u>	<u>(962.077.151)</u>	<u>124.301.767.143</u>	<u>-</u>

6. Chi phí trả trước

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngắn hạn	354.979.877	477.860.625
Chi phí trả trước về bảo hiểm	89.871.142	-
Công cụ, dụng cụ phân bổ	30.254.489	326.865.711
Chi phí đi vay	-	-
Các khoản khác	234.854.246	150.994.914
Dài hạn	9.530.248.867	6.647.991.333
Chi phí nội thất văn phòng làm việc	213.115.230	1.896.496.819
Tiền thuê đất	-	-
Công cụ, dụng cụ phân bổ	-	106.670.173
Các khoản khác	9.317.133.637	4.644.824.341

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	289.196.918.788	203.351.826.515	19.768.394.961	2.370.136.399	16.490.763.678	531.178.040.341
Tăng trong kỳ	1.387.302.993	3.107.936.435	840.000.000	-	4.412.707.000	9.747.946.428
Giảm trong kỳ	77.916.226.281	51.346.162.723	69.113.665	412.584.198	-	129.744.086.867
Số cuối kỳ	212.667.995.500	155.113.600.227	20.539.281.296	1.957.552.201	20.903.470.678	411.181.899.902
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	117.204.338.815	64.349.840.742	9.557.872.665	1.238.693.794	12.300.297.633	204.651.043.649
Tăng trong kỳ	5.674.865.004	5.838.287.286	1.304.599.384	89.022.907	506.282.562	13.413.057.143
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	5.674.865.004	5.170.916.389	1.297.768.125	89.022.907	340.914.485	12.573.486.910
<i>Tăng khác</i>	-	667.370.897	6.831.259	-	165.368.077	839.570.233
Giảm trong kỳ	9.248.373.232	16.570.130.027	139.858.598	269.705.373	-	26.228.067.230
Số cuối kỳ	113.630.830.587	53.617.998.001	10.722.613.451	1.058.011.328	12.806.580.195	191.836.033.562
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	173.148.700.626	137.845.865.120	10.210.522.296	1.131.442.605	4.190.466.045	326.526.996.692
Số cuối kỳ	99.037.164.913	101.495.602.226	9.816.667.845	899.540.873	8.096.890.483	219.345.866.340

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá	-	860.769.126	860.769.126
Số đầu kỳ	-	42.000.000	42.000.000
Tăng trong kỳ	28.297.646.455		28.297.646.455
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	28.297.646.455	902.769.126	29.200.415.581
Giá trị mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	740.092.743	740.092.743
Tăng trong kỳ	-	21.330.648	21.330.648
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	21.330.648	21.330.648
<i>Tăng do hợp nhất</i>	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	536.986	536.986
Số cuối kỳ	-	760.886.405	760.886.405
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	120.676.383	120.676.383
Số cuối kỳ	28.297.646.455	141.882.721	28.439.529.176

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

9. Vay và nợ thuê tài chính**9.1 Vay ngắn hạn và dài hạn**

	Trong kỳ					
	01/01/2016	30/06/2016		Số có khả năng trả nợ		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	390.747.465.133	390.747.465.133	75.716.756.979	413.776.099.449	52.688.122.663	52.688.122.663
Vay dài hạn	213.603.305.259	213.603.305.259	300.000.000.000	208.430.514.997	305.172.790.262	305.172.790.262
Cộng	604.350.770.392	604.350.770.392	375.716.756.979	622.206.614.446	357.860.912.925	357.860.912.925

9.2 Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê
Vay ngắn hạn từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-
Trên 5 năm	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

9.3 Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Lý do chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

10. Phải trả người bán

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	40.617.748.716	80.404.696.898
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Cộng	<u>40.617.748.716</u>	<u>80.404.696.898</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
	-	-

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Thuế giá trị gia tăng	7.416.391.491	8.171.002.493
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.244.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.933.972.784	9.517.951.054
Thuế thu nhập cá nhân	184.162.981	39.796.447
Thuế tài nguyên	-	3.869.858
Thuế nhà đất và tài nguyên đất	512.098.459	
Các loại thuế khác	443.719.703	1.829.292.323
Cộng	<u>15.490.345.418</u>	<u>19.572.156.332</u>

12. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngắn hạn	8.869.880.506	12.906.992.842
Chi phí đi vay	8.862.380.506	12.767.376.923
Các khoản khác	7.500.000	-
Dài hạn		139.615.919
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Các khoản khác	-	-
Cộng	<u>8.869.880.506</u>	<u>12.906.992.842</u>

13. Phải trả khác

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngắn hạn	169.178.301.276	331.972.869.741
Kinh phí công đoàn	25.528.867	24.017.617
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	241.561.235	19.407.100
Phải trả về cổ phần hóa và phải trả khác tại TCT Chè	126.896.718.960	331.826.748.704
Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.014.492.214	102.696.320
Dài hạn	<u>5.978.336.123</u>	<u>5.745.024.396</u>
Cộng	<u>175.156.637.399</u>	<u>337.717.894.137</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

14. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	680.000.000.000	-	-	-	115.156.907.337	795.156.907.337
Tăng trong năm						
Tăng vốn trong năm	68.000.000.000	-	-	-	-	68.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	54.900.054.342	54.900.054.342
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-
Tăng khác do hợp nhất	-	-	683.081.038	221.299.709	-	904.380.747
Chia cổ tức	-	-	-	-	(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	(105.476.068)	(105.476.068)
Số dư đầu năm nay	748.000.000.000	-	683.081.038	221.299.709	101.951.485.611	850.855.866.358
Tăng trong kỳ	752.000.000.000	71.370.400.000	606.102.452	25.743.385	4.265.693.182	1.678.481.702.885
Tăng vốn trong kỳ	752.000.000.000	71.370.400.000	-	-	-	823.370.400.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	8.135.850.386	3.812.941.789
Tăng do hợp nhất	-	-	606.102.452	25.743.385	-	442.494.738
Tăng khác	-	-	-	-	-	277.104.739
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	3.870.157.204	277.104.739
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.500.000.000.000	71.370.400.000	1.289.183.490	247.043.094	106.217.178.793	1.678.204.598.146

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Cổ phiếu

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	74.800.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	150.000.000	74.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>150.000.000</i>	<i>74.800.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	74.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>150.000.000</i>	<i>74.800.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Tổng doanh thu	461.209.868.937	654.768.983.337	1.206.892.277.269	889.108.114.583
Doanh thu bán hàng	461.209.868.937	637.200.212.567	1.206.894.523.544	869.250.682.059
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	97.267.695
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	19.684.834.034	-	19.782.101.729
Doanh thu đối với các BLQ	-	-	-	-
Các khoản giảm trừ DT	1.944.185	21.936.900	2.246.275	21.936.900

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hàng bán	443.100.708.713	629.857.201.283	1.169.131.675.957	858.732.497.300
Giá vốn dịch vụ	-	-	-	91.330.495
Giá vốn xây dựng	-	15.803.321.610	-	17.633.324.880
Cộng	443.100.708.713	645.665.513.893	1.169.131.675.957	876.457.152.675

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	729.522.899	1.274.988.204	1.861.691.121	1.289.737.960
Lãi bán các khoản đầu tư	9.019.110.536	13.537.299.000	11.087.261.467	19.787.299.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	15.651.595	270.320	43.707.261
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	687.416.160	-	687.416.160	-
Cộng	10.436.049.595	14.827.938.799	13.636.639.068	21.120.744.221

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

4. Chi phí tài chính

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	2.765.349.358	1.793.819.604	4.453.927.637	2.210.586.764
Lỗ bán các khoản đầu tư	-	1.166.570.005	-	1.166.570.005
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.750.603.551	29.682.384	1.802.027.921	60.662.766
Chi phí tài chính khác	-	83.787.961	34.748.198	83.788.597
Các khoản ghi giảm chi phí TC	-	(864.912.490)	-	(864.912.490)
Cộng	4.515.952.909	2.208.947.464	6.290.703.756	2.656.695.642

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	9.630.368.586	3.695.358.766	23.482.483.465	6.676.404.443
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	4.812.388.506	895.791.801	7.914.631.984	1.810.370.322
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-
Cộng	14.442.757.092	4.591.150.567	31.397.115.449	8.486.774.765

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.209.711.043	3.126.002.454	7.130.242.553	5.903.040.743
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.209.711.043	3.126.002.454	7.130.242.553	5.903.040.743

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế	4.322.908.597	13.076.052.259	8.135.850.386	22.236.983.197
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.322.908.597	13.076.052.259	8.135.850.386	22.236.983.197
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	150.000.000	68.472.222	150.000.000	74.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.82	190.97	54.24	297

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin các bên liên quan

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan trong kỳ tài chính với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty cổ phần Nhựa Miền Trung	Công ty con
Công ty cổ phần Sản xuất Tre Công nghiệp Mộc Châu	Công ty con
Công ty TNHH hàng tiêu dùng GTNFOODS	Công ty con
Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty CP	Công ty con
Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và kinh doanh GB-TEA	Công ty liên kết
Công ty Chè Phú đa	Công ty liên kết

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Hoạt động bán hàng (bao gồm bán hàng hóa: đồ gia dụng, nông, lâm sản nguyên liệu, phân bón và sản phẩm nông hóa) và hoạt động xây dựng. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận kinh doanh này

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Phân bón	Nông Sản	Sản phẩm Chè	Sản phẩm Nhựa	Khác	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu thuần từ bán hàng	477.395.400.000	589.419.910.972	105.638.065.768	34.333.345.804	107.801.000	1.206.894.523.544
Giảm trừ doanh thu			2.246.275			2.246.275
Giá vốn hàng bán	477.265.999.975	571.872.309.746	88.231.463.692	31.423.137.450	338.765.094	1.169.131.675.957
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	129.400.025	17.547.601.226	17.404.355.801	2.910.208.354	(230.964.094)	37.760.601.312
Chi phí bộ phận	200.607.984	795.514.323	4.165.582.550	765.124.906		5.926.829.763
Chi phí không phân bổ						25.740.285.686
Doanh thu tài chính						13.636.639.068
Chi phí tài chính						6.290.703.756
Thu nhập khác						3.262.340.150
Chi phí khác						3.766.004.525
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết						2.660.000.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN						15.865.756.800
Chi phí thuế TNDN						7.832.604.800
Lợi nhuận sau thuế TNDN						8.033.152.000
TÀI SẢN						719.194.636.335
Tài sản bộ phận	86.911.500.678	18.197.894.096	379.113.127.517	162.982.893.615	71.989.220.429	719.194.636.335
NỢ PHẢI TRẢ						88.427.850.350
Nợ phải trả bộ phận	-	6.977.911.377	38.822.826.617	42.305.328.306	321.784.050	88.427.850.350

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	273.188.825.886	416.449.029.291
Đầu tư ngắn hạn	67.344.121.791	74.810.227.391
Đầu tư dài hạn	522.894.049.592	413.811.749.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	932.753.823.691	442.116.720.778
Cộng	1.796.180.820.960	1.347.187.727.052
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	357.860.912.925	604.350.770.392
Phải trả người bán và phải trả khác	244.438.998.085	418.122.591.035
Chi phí phải trả	8.869.880.506	12.906.992.842
Cộng	611.169.791.516	1.035.380.354.269

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá của cổ phiếu

Rủi ro về giá của cổ phiếu là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Chủ tịch HĐQT của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư,.. Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng,..).

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng): chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản: Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai thác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành. Công ty tin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10,5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Các khoản vay	52.688.122.663	305.172.790.262		357.860.912.925
Phải trả người bán và phải trả khác	244.438.998.085			244.438.998.085
Chi phí trả trước	8.869.880.506			8.869.880.506
Cộng	305.997.001.254	305.172.790.262		611.169.791.516
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	273.188.825.886			273.188.825.886
Đầu tư ngắn hạn	67.344.121.791			67.344.121.791
Đầu tư dài hạn		522.894.049.592		522.894.049.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	932.753.823.691			980.785.765.018
Cộng	1.273.286.771.368	522.894.049.592		1.796.180.820.960
Số đầu kỳ				
Các khoản vay	390.747.465.133	213.603.305.259		604.350.770.392
Phải trả người bán và phải trả khác	412.377.566.639	5.745.024.396		418.122.591.035
Chi phí phải trả	12.906.992.842	-		12.906.992.842
Cộng	816.032.024.614	219.348.329.655		1.035.380.354.269
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	416.449.029.291			416.449.029.291
Đầu tư ngắn hạn	74.810.227.391			74.810.227.391
Phải thu khách hàng	442.116.720.778			442.116.720.778
Đầu tư dài hạn		- 413.811.749.592		413.811.749.592
Các khoản phải thu khác				
Cộng	933.375.977.460	413.811.749.592		1.347.187.727.052

Ban Chủ tịch HĐQT đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Chủ tịch HĐQT tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

4. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2016



TẠ VĂN QUYỀN
Chủ tịch HĐQT

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Người lập biểu